TÒA ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 15/9/2022
V/v Tranh chấp hôn nhân, gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG

***Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán sơ cấp - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Hằng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Vinh và Bà Ngô Thị Mai.

***- Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 15/9/2022, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992 - (Có mặt).

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991 - (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn Cầu Đen, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân gia đìnhghi ngày 28/7/2022 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 08/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng. Thời kỳ đầu vợ chồng hòa thuận, H phúc đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và cãi chửi

nhau. Tháng 11 năm 2021, do mâu thuẫn căng thẳng, chị đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nên vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với anh Q được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

+ *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuấn Minh, sinh ngày 22/01/2016. Hiện con khoẻ mạnh, phát triển bình thường và đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất canh tác*: Vợ chồng chị đã tự thoả thuận được với nhau nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Q: Tại bản tự khai ghi ngày 08/8/2022 và các lời khai tiếp theo anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh kết hôn với chị Phạm Thị H vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang. Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh chung sống. Thời kỳ đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, H phúc, đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày tính cách vợ chồng không hợp, không tôn trọng nhau. Tháng 11/2021 chị H đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh không đón gọi và vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng với chị H không còn nên chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

+ *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuấn Minh, sinh ngày 22/01/2016. Hiện con khoẻ mạnh, phát triển bình thường và đang do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nuôi con chung. Anh không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất canh tác*: Vợ chồng đã tự thoả thuận nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên những ý kiến trên và trình bày anh chỉ nhất trí để chị H nuôi con chung nếu chị H đồng ý cho anh được đón con vào những ngày cuối tuần và không được ngăn cản anh đón con.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán xác định đúng mối quan hệ tranh chấp. Việc giao gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho VKS nghiên cứu đầy đủ, đúng quy định; HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt, nguyên đơn chị Phạm Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

+ Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, Xử:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Q.

+ *Về con chung:* Xử giao cháu Nguyễn Tuấn Minh, sinh ngày 22/01/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Án phí:* Chị Hphải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Những yêu cầu, kiến nghị khác: Không.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng và tiền tố tụng****:* Xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định. Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] ***Về thẩm quyền giải quyết vụ án*****:** Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, các đương sự có địa chỉ cư trú tại huyện Lạng Giang. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Về căn cứ áp dụng pháp luật***: Do các bên kết hôn với nhau đã đủ điều kiện kết hôn và đã có giấy chứng nhận kết hôn hợp pháp, do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Hôn nhân gia đình 2014 để giải quyết.

[4]*Về nội dung vụ kiện*:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận H phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng trong quan điểm và không tôn trọng nhau.

Vợ chồng đã có thời gian sống ly thân vơi nhau từ tháng 11 năm 2021. Nay cả chị H và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, phía chị H xin ly hôn anh Q đồng ý. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa các bên đương sự theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Q có 01 con chung là Nguyễn Tuấn Minh, sinh ngày 22/01/2016. Hiện con khoẻ mạnh, phát triển bình thường và đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hiện tại cả chị H và anh Q đều là cán bộ công chức Nhà nước, đều chứng minh được nguồn thu nhập ổn định và đều có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Minh vẫn được mẹ trực tiếp chăm sóc từ bé và đang học lớp một. Để tránh việc xáo trộn việc học hành và đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu Minh cần giao cháu Minh cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q có quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, xét phù hợp Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4.3] Về tài sản, ruộng canh tác: Cả chị H và anh Q đều thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết do vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 55 và Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 22/01/2016. Chị H không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013055 ngày 04/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho đương sự đều có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Quang Thịnh;
- Các đương sự;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hằng